

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CƠ SỞ
TCCS 68:2023/PVCFC

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU**

Địa chỉ: Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, Đường Ngô Quyền, Phường 1, Thành Phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.

Điện thoại: 0290 38 19000

Fax: 0290 35 90501

Website: www.pvcfc.com.vn

CÔNG BỐ:



Tên tiêu chuẩn cơ sở **TCCS 68:2023/PVCFC**

Áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa: **NPK CÀ MAU GOLD 20-10-10**

Loại phân: Phân bón hỗn hợp NPK

Đóng bao: Theo yêu cầu thị trường

Mã số phân bón: 03203

Nhãn hiệu:	Thương hiệu:
	

Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau cam kết sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hoá theo đúng tiêu chuẩn công bố nêu trên.

Cà Mau, ngày tháng năm 2023

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC





TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 68:2023/PVCFC

NPK CÀ MAU GOLD 20-10-10

Lần soát xét: 05

Cà Mau, ngày tháng năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

📍 Lô D, KCN Phường 1, Đ. Ngô Quyền, P. 1, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
☎ 0290 381 9000 📠 0290 359 0501 🌐 www.pvcfc.com.vn



Văn bản này được xác thực tại <https://eoffice.pvcfc.com.vn/> với số định danh: 0471/TTr-KTATT

MỤC LỤC

1. Phạm vi áp dụng.....	3
2. Tài liệu tham khảo	3
3. Yêu cầu kỹ thuật	3
3.1. Yêu cầu về an toàn, sức khỏe và môi trường	3
3.2. Yêu cầu về ngoại quan	3
3.3. Yêu cầu về chỉ tiêu chất lượng	3
3.4. Công dụng:	4
3.5. Hướng dẫn sử dụng	4
3.6. Phương thức sử dụng:.....	5
3.7. Bao gói, ghi nhãn.....	5
3.7.1. Bao gói	5
3.7.2. Ghi nhãn	5
3.8. Vận chuyển.....	5
3.9. Bảo quản.....	5
3.10. Ngày sản xuất và hạn sử dụng:	5
3.11. Đơn vị sản xuất:	5
Phụ lục:	i



LỜI MỞ ĐẦU

TCCS 68:2023/PVCFC được xây dựng trên cơ sở tham khảo Thông tư số 11/2021/TT-BKHHCN ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn, Quyết định số 86/QĐ-BVTV-PB ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Cục Bảo vệ Thực vật về việc công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam.

TCCS 68:2023/PVCFC được soát xét lại từ TCCS 68:2023/PVCFC ban hành ngày 10/05/2023 theo Quyết định số 1110/QĐ-PVCFC.

TCCS 68:2023/PVCFC được Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau công bố tại Quyết định số: /QĐ-PVCFC ngày tháng năm 2023.



1. Phạm vi áp dụng

- Tiêu chuẩn này áp dụng cho sản phẩm phân bón hỗn hợp NPK CÀ MAU GOLD 20-10-10, mã số phân bón 03203 với nhãn hiệu NPK CÀ MAU GOLD - “Chất lượng đi đầu - Giá trị bền lâu”, do Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau sản xuất và kinh doanh với thương hiệu PHÂN BÓN CÀ MAU – “Hạt Ngọc Mùa Vàng”.

2. Tài liệu tham khảo

- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.
- Căn cứ Nghị định số: 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.
- Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.
- Thông tư số 11/2021/TT-BKHHCN ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định chi tiết xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 01-189:2019/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng phân bón.
- Quyết định số 86/QĐ-BVTV-PB ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Cục Bảo vệ Thực vật về việc công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam.

3. Yêu cầu kỹ thuật

3.1. Yêu cầu về an toàn, sức khỏe và môi trường

- Không gây nguy hiểm khi hít phải ở điều kiện bình thường, gây kích thích nhẹ đối với mắt.
- Để xa tầm tay trẻ em, rửa sạch tay sau khi sử dụng.

3.2. Yêu cầu về ngoại quan

- Hình dạng: dạng rắn (hạt/viên).

3.3. Yêu cầu về chỉ tiêu chất lượng

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức chất lượng	Phương pháp thử
1.	Đạm tổng số (N_{ts})	% KL	20	TCVN 5815:2018
2.	Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh})	% KL	10	TCVN 8559:2010 TCVN 5815:2018
3.	Kali hữu hiệu (K_2O_{hh})	% KL	10	TCVN 8560:2018

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức chất lượng	Phương pháp thử
4.	Độ ẩm	% KL	2,0	TCVN 5815:2018
5.	Kẽm (Zn)	ppm	100	TCVN 9298:2012
6.	Bo (B)	ppm	100	TCVN 13263-8:2020

3.4. Công dụng:

- Tăng sinh trưởng, phát triển và hạn chế sâu bệnh.
- Tăng năng suất, chất lượng nông sản và lợi nhuận.
- Cải thiện độ phì nhiêu của đất.

3.5. Hướng dẫn sử dụng

Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng:

- Lúa: 80-120 kg/lần (2-3 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/18-22 ngày sau sạ/ 38-42 ngày sau sạ)
- Ngô: 100-150 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 7-10 ngày sau khi trồng/20-30 ngày sau khi trồng/40-50 ngày sau khi trồng)
- Mía: 250-350 kg/ha/lần (2 - 3 lần/vụ: 15-20 ngày sau trồng/2-3 tháng sau trồng/4-5 tháng sau trồng)
- Thanh long: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 100-200 kg/ha/lần (3 lần/năm: 4 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: Thanh long chính vụ bón 250-400 g/trụ/tháng; thanh long xử lý đùn bón 300-500 g/trụ/lần (3 lần: lúc tía cành/lúc ra nụ/lúc hoa héo)
- Cây ăn trái khác (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-350 g/cây/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh bón 300-600 g/cây/lần (4-5 lần/năm: sau thu hoạch bón 1-2 lần/sau đậu trái/trái phát triển bón 1-2 lần)
- Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón 100-150 kg/ha (bón lót hoặc 7-10 ngày sau trồng). Bón thúc 150-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: 20-25 ngày sau trồng/trái phát triển bón 1-2 lần)
- Rau ăn lá ngắn ngày: 150-200 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau trồng/20-30 ngày sau trồng)
- Cà phê: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 kg/ha/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh (4 lần/năm): mùa khô bón 150-200 kg/ha; Mùa mưa bón 400-500 kg/ha/lần (3 lần: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa)
- Hồ tiêu: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 g/trụ/lần (4 lần/năm: 4 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: mùa khô bón 150-250 g/trụ/lần; mùa mưa bón 400-500 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa)
- Chè: 200-300 kg/ha/lần (bón 6-7 lần/năm theo chu kỳ thu hoạch)
- Cao su (giai đoạn kinh doanh): 150-200 kg/ha/lần (2-3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa



mùa mưa/cuối mùa mưa).

3.6. Phương thức sử dụng:

- Bón rễ dạng hạt, dạng viên.

3.7. Bao gói, ghi nhãn

3.7.1. Bao gói

- Sản phẩm phân bón hỗn hợp NPK CÀ MAU GOLD 20-10-10 được đóng gói bằng 2 lớp bao, lớp bên ngoài bằng vật liệu PP, lớp bên trong bằng vật liệu PE, đảm bảo giúp sản phẩm không bị hút ẩm và không bị rách, vỡ khi vận chuyển;
- Khối lượng tịnh: theo quy cách đóng bao thực tế.

3.7.2. Ghi nhãn

- Nhãn được in trên bao bì, màu sắc chi tiết theo Phụ lục đính kèm

3.8. Vận chuyển

- Khi vận chuyển, phương tiện phải đảm bảo sạch sẽ, khô ráo và được che mưa nắng.
- Không sử dụng móc để bốc dỡ sản phẩm.

3.9. Bảo quản

- Bảo quản nơi thông thoáng, khô ráo, được che mưa nắng, không để trực tiếp lên sàn nhà ẩm ướt.

3.10. Ngày sản xuất và hạn sử dụng:

- Hạn sử dụng (HSD): 36 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Ngày sản xuất: Xem trên bao bì.

3.11. Đơn vị sản xuất:

- Tên tổ chức sản xuất: Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.
- Địa chỉ: Lô D, Khu CN Phường 1, Đường Ngô Quyền, Phường 1, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.
- Sản xuất tại: Nhà máy Đạm Cà Mau - Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.



Phụ lục:
CHI TIẾT THIẾT KẾ BAO BÌ SẢN PHẨM
PHÂN BÓN HỖN HỢP NPK CÀ MAU GOLD 20-10-10

(Đính kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở số TCCS 68:2023/PVCFC

Ban hành theo QĐ số: /QĐ-PVCFC ngày tháng năm 2023)

1. Mẫu bao bì sản phẩm:



2. Mẫu bao bì sản phẩm chuyên dụng:

